TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Quang Truyền;

2. Ông Đặng Thanh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số 597A, ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 597A, ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 08 tháng 5 năm 2023, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Chị và anh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2008, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành Nam vào năm 2011. Chị và anh T sống không hạnh phúc. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng khoảng một năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên đi chơi, cờ bạc, quen người phụ nữ khác. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không nghe. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng anh Trần Minh T trình bày:

Anh và chị T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2008, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành Nam vào năm 2011. Anh và chị T sống hạnh phúc. Khoảng hai tháng nay chị T thường ghen tuông vô cớ lý do anh làm ăn, bỏ vật liệu xây dựng cho người khác nên chị Tuyền nghi ngờ. Chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ. Anh T xin thời gian để hàn gắn vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T; Về con chung: Không có; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành Nam, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Chị T xác định chị và anh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng khoảng một năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên đi chơi, cờ bạc, quen người phụ nữ khác. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không nghe. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Anh T xác định anh và chị T sống hạnh phúc. Khoảng hai tháng nay chị T thường ghen tuông vô cớ. Lý do anh làm ăn, bỏ vật liệu xây dựng cho người khác nên khi tiếp xúc với khách hàng bị chị T hiểu nhầm, nghi ngờ. Chị T xin ly hôn anh T không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ. Tòa án cho anh chị thời gian hàn gắn vợ chồng nhưng sau đó anh T đã không hợp tác lên Tòa để hàn gắn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng chị T, anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ vợ chồng. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh T.

[4] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nhận xét và quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T là nguyên đơn phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T với anh Trần Minh T.

Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Trần Minh T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị T đã nộp theo biên lai thu số 0021536 ngày 23-5-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. thị xã Tây Ninh;
- CCTHADS. thị xã Tây Ninh;
- UBND. xã Long Thành Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Bích Hằng